

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE



Mục lục

I.	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1.	<i>Giải thích thuật ngữ</i>	1
II.	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2.	<i>Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty</i>	4
Điều 3.	<i>Người đại diện theo pháp luật của Công Ty</i>	5
III.	MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4.	<i>Mục tiêu hoạt động của Công Ty</i>	5
Điều 5.	<i>Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty</i>	8
IV.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6.	<i>Vốn điều lệ, cổ phần và cổ đông sáng lập</i>	8
Điều 7.	<i>Cổ phiếu</i>	9
Điều 8.	<i>Chứng chỉ chứng khoán khác</i>	9
Điều 9.	<i>Chuyển nhượng cổ phần</i>	9
Điều 10.	<i>Thu hồi cổ phần</i>	9
V.	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11.	<i>Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</i>	10
VI.	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12.	<i>Quyền của cổ đông</i>	10
Điều 13.	<i>Nghĩa vụ của cổ đông</i>	11
Điều 14.	<i>Đại Hội Đồng Cổ Đông</i>	12
Điều 15.	<i>Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông</i>	13
Điều 16.	<i>Đại diện theo ủy quyền</i>	16
Điều 17.	<i>Thay đổi các quyền</i>	16
Điều 18.	<i>Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông</i>	17
Điều 19.	<i>Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông</i>	18
Điều 20.	<i>Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông</i>	18
Điều 21.	<i>Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông</i>	20
Điều 22.	<i>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông</i>	20
Điều 23.	<i>Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông</i>	22
Điều 24.	<i>Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông</i>	23
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25.	<i>Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị</i>	23
Điều 26.	<i>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị</i>	24
Điều 27.	<i>Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị</i>	25
Điều 28.	<i>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị</i>	28
Điều 29.	<i>Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị</i>	28
Điều 30.	<i>Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị</i>	28
Điều 31.	<i>Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị</i>	31
Điều 32.	<i>Người phụ trách quản trị công ty</i>	31
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32

Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 34.	Người Điều Hành.....	32
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc.....	32
IX.	BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 36.	<i>Ứng cử, đề cử Kiểm Soát Viên</i>	33
Điều 37.	<i>Kiểm Soát Viên</i>	34
Điều 38.	<i>Ban Kiểm Soát</i>	34
X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 39.	<i>Trách nhiệm cần trọng</i>	35
Điều 40.	<i>Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</i>	35
Điều 41.	<i>Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</i>	36
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
Điều 42.	<i>Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</i>	36
XII.	NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 43.	<i>Người lao động và công đoàn</i>	37
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	37
Điều 44.	<i>Phân phối lợi nhuận</i>	37
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 38	
Điều 45.	<i>Tài khoản ngân hàng</i>	38
Điều 46.	<i>Năm tài chính</i>	38
Điều 47.	<i>Chế độ kế toán</i>	38
XV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 48.	<i>Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</i>	38
Điều 49.	<i>Báo cáo thường niên</i>	39
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 50.	<i>Kiểm toán</i>	39
XVII.	CON DẤU	39
Điều 51.	<i>Con dấu</i>	39
XVIII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	39
Điều 52.	<i>Chấm dứt hoạt động</i>	39
Điều 53.	<i>Gia hạn Thời Hạn Hoạt Động</i>	40
Điều 54.	<i>Thanh lý</i>	40
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
Điều 55.	<i>Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	40
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
Điều 56.	<i>Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ</i>	41
XXI.	ĐIỀU KHOẢN CHUNG	41
Điều 57.	<i>Điều khoản chung</i>	41

CĂN CỨ

- Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng ngày 29/11/2022;
- Phụ lục Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng ngày 01/7/2022;
- Phụ lục 02 Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng ngày 30/12/2022;
- Phụ lục 03 Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng ngày 06/6/2023; và
- Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2023 được thông qua theo hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Golden Gate ban hành Điều lệ Công ty với các nội dung như sau:

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - (a) “Công Ty” nghĩa là Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Golden Gate;
 - (b) “Ban Kiểm Soát” nghĩa là ban kiểm soát của Công Ty có quyền hạn và nghĩa vụ được nêu tại Điều 38 của Điều Lệ này và hoạt động theo Điều Lệ này và luật áp dụng;
 - (c) “Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị” nghĩa là chủ tịch của Hội Đồng Quản Trị của Công Ty như được nêu tại Điều 29 của Điều Lệ này;
 - (d) “Đại Hội Đồng Cổ Đông” nghĩa là đại hội đồng cổ đông của Công Ty có các quyền hạn được nêu trong Điều Lệ này và hoạt động theo Điều Lệ này và luật áp dụng;
 - (e) “Vốn Điều Lệ” nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán bởi Công Ty và quy định tại Điều 6 của Điều Lệ này;
 - (f) “Hội Đồng Quản Trị” nghĩa là hội đồng quản trị hoặc ban giám đốc (hoặc tổ chức tương đương) của Công Ty có các quyền hạn và nhiệm vụ được nêu trong Điều Lệ này và hoạt động theo Điều Lệ này và luật áp dụng;
 - (g) “Công Ty Kiểm Toán” nghĩa là bất kỳ công ty nào trong số PriceWaterhouseCoopers, Ernst&Young, KPMG, và Deloitte;
 - (h) “Luật Doanh Nghiệp” nghĩa là *Luật Doanh Nghiệp* số 59/2020/QH14 đề ngày 17 tháng 6 năm 2020 (như được sửa đổi vào từng thời điểm);
 - (i) “Luật Chứng Khoán” nghĩa là *Luật Chứng Khoán* số 54/2019/QH14 đề ngày 26 tháng 11 năm 2019 (như được sửa đổi vào từng thời điểm);
 - (j) “Ngày Thành Lập” là ngày Công Ty được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp (Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - (k) “Người Điều Hành” nghĩa là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và những người điều hành khác được quy định trong Điều Lệ này;
 - (l) “Người Có Liên Quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán;

- (m) “Thay Đổi Quyền Kiểm Soát” nghĩa là việc mua lại trực tiếp hoặc gián tiếp quyền kiểm soát của Công Ty bởi một chủ thể hoặc nhóm các chủ thể hành động cùng nhau, là bên mà ngay trước thời điểm đó đã không kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp Công Ty, với điều kiện là việc chuyển giao trực tiếp hoặc gián tiếp quyền kiểm soát lợi ích trong Công Ty giữa những chủ thể mà, vào thời điểm liên quan, được kiểm soát bởi cùng một bên kiểm soát sẽ không được xem là Thay Đổi Quyền Kiểm Soát. Để tránh nhầm lẫn, “kiểm soát” nghĩa là quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hơn năm mươi (50) phần trăm quyền hạn có quyền biểu quyết hoặc quyền sở hữu, trực tiếp hoặc gián tiếp, quyền hạn để trực tiếp quản lý hoặc gây ảnh hưởng đến đường lối quản lý và chính sách của Công Ty, bất kể là thông qua quyền sở hữu chứng khoán có quyền biểu quyết, bằng hợp đồng hay trường hợp khác;
- (n) “Tổng Giám Đốc” nghĩa là tổng giám đốc của Công Ty được quy định tại Điều 35 của Điều Lệ này;
- (o) “Thời Hạn Hoạt Động” là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2.5 của Điều Lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua bằng nghị quyết;
- (p) “Việt Nam” nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; và
- (q) “các Công Ty Thuộc Tập Đoàn” nghĩa là Công Ty và các công ty con của Công Ty, mỗi công ty đó là một “Công Ty Thuộc Tập Đoàn”.
- (r) “Giao Dịch Với Bên Liên Quan Cụ Thể” nghĩa là một giao dịch được ký kết giữa một Công Ty Thuộc Tập Đoàn và bất kỳ người nào sau đây:
- (i) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (ii) Giám Đốc, (các) Phó Giám Đốc, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng, Giám Đốc Điều Hành, các Giám Đốc Quản Lý, các Phó Giám Đốc Quản Lý và trưởng các bộ phận của Công Ty;
 - (iii) thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty;
 - (iv) cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phát hành của Công Ty;
 - (v) hoặc cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của bất kỳ công ty con nào; hoặc
 - (vi) bất kỳ Người Có Liên Kết nào của bất kỳ người nào trong số những người nêu tại các đoạn từ (i) đến (v),

và định nghĩa này cũng sẽ được coi là bao gồm bất kỳ khoản hoa hồng hoặc khoản thanh toán hoặc lợi ích tương tự nào mà bất kỳ người nào được liệt kê trong đoạn từ (i) đến (vi) ở trên nhận được, cho dù từ bất kỳ Công Ty Thuộc Tập Đoàn hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoặc có liên quan tới bất kỳ giao dịch nào được thực hiện bởi bất kỳ Công Ty Thuộc Tập Đoàn nào;

- (s) “Người Có Liên Kết” của một người nghĩa là:
- (i) đối với một cá nhân, vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, cô, dì, chú, cậu, bác, anh chị em họ, cháu trai, cháu gái, ông, bà, anh ruột, em ruột, anh hoặc em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, anh vợ, em vợ, chị ruột, em ruột, chị hoặc em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, chị dâu, em dâu, chị chồng, em chồng, con đẻ, con riêng, con rể, con dâu, cháu hoặc con của chị ruột, anh ruột hoặc em ruột của bố hoặc mẹ của người đó;

- (ii) đối với một công ty, một cổ đông hoặc chủ sở hữu sở hữu năm phần trăm (5%) trở lên cổ phần vốn đang lưu hành hoặc quyền biểu quyết khác của công ty đó, hoặc giám đốc, người điều hành hoặc người giám sát của công ty đó;
 - (iii) đối với một công ty, công ty mẹ trực tiếp hay gián tiếp của công ty đó, hoặc bất kỳ giám đốc, người điều hành hay người giám sát nào của công ty mẹ đó hoặc bất kỳ người nào có thẩm quyền bổ nhiệm giám đốc, người điều hành hay người giám sát đó;
 - (iv) bất kỳ người nào khác được định nghĩa là người có liên quan theo Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp; và
 - (v) bất kỳ người nào được xác định là người được chỉ định, người được ủy thác, hoặc người đại diện của người đó, kể cả cho mục đích ký kết bất kỳ giao dịch nào mà theo cách khác sẽ cấu thành một Giao Dịch Với Bên Liên Quan Cụ Thể; và
- (t) “GDVBLQ Được Loại Trừ” nghĩa là:
- (i) hợp đồng số 01/HĐNT/2016/BEV/CVHN-TH ngày 9 tháng 7 năm 2016 giữa Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Thăng Hiền và Công Ty và Phụ Lục số 01 (*Hợp Đồng Với Thăng Hiền*) hoặc bất kỳ bản gia hạn nào của các tài liệu này (không bao gồm bất kỳ sửa đổi nào khác đối với các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Với Thăng Hiền) và được thực hiện theo các điều khoản sòng phẳng và trong quá trình kinh doanh thông thường và bình thường;
 - (ii) bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch nào với Công Ty TNHH Công Vàng Vinh và Công Ty Cổ Phần The Concept House (*các Hợp Đồng Được Phép*) hoặc bất kỳ bản gia hạn hoặc sửa đổi nào của các tài liệu này và được thực hiện trong quá trình kinh doanh thông thường và bình thường;
 - (iii) một hợp đồng hoặc giao dịch (ngoại trừ Hợp Đồng Với Thăng Hiền và bất kỳ bản gia hạn nào của Hợp Đồng Với Thăng Hiền và các Hợp Đồng Được Phép hoặc bất kỳ bản gia hạn hoặc sửa đổi nào của các Hợp Đồng Được Phép) với bất kỳ công ty con hoặc công ty liên kết nào của Công Ty mà được thực hiện theo các điều khoản sòng phẳng và trong quá trình kinh doanh thông thường và bình thường;
 - (iv) một hợp đồng hoặc giao dịch (ngoại trừ Hợp Đồng Với Thăng Hiền và bất kỳ bản gia hạn nào của Hợp Đồng Với Thăng Hiền và các Hợp Đồng Được Phép hoặc bất kỳ bản gia hạn hoặc sửa đổi nào của các Hợp Đồng Được Phép) với bên có liên quan khác của Công Ty có giá trị nhỏ hơn không phải hai phần trăm (0,2%) Tổng Tài Sản Của Công Ty (cho các mục đích này, nhóm các hợp đồng hoặc giao dịch liên quan sẽ được gộp lại và tạo thành một hợp đồng hoặc giao dịch đơn lẻ) và được thực hiện theo các điều khoản sòng phẳng và trong quá trình kinh doanh thông thường và bình thường;
 - (v) các hợp đồng hoặc giao dịch (ngoại trừ Hợp Đồng Với Thăng Hiền và bất kỳ bản gia hạn nào của Hợp Đồng Với Thăng Hiền và các Hợp Đồng Được Phép hoặc bất kỳ bản gia hạn hoặc sửa đổi nào của các Hợp Đồng Được Phép) với bên có liên quan khác của Công Ty, mà diễn ra trong thời gian mười hai tháng bất kỳ, có tổng giá trị nhỏ hơn một phần trăm (1%) Tổng Tài Sản Của Công Ty và được thực hiện theo các điều khoản sòng phẳng và trong quá trình kinh doanh thông thường và bình thường. Để làm rõ, các hợp đồng hoặc giao dịch với bên có liên quan khác của Công Ty đã được phê duyệt (nhưng không được loại trừ theo Điều 1.1(t)(iv)) sẽ không được tính khi xác định tổng giá trị các giao dịch với bên có liên quan khác nhằm mục đích của Điều 1.1(t)(v) này;

- (vi) Khái niệm “bên có liên quan khác” tại Điều 1.1(t)(iv) và Điều 1.1(t)(v) Điều Lệ này có nghĩa là bên có liên quan được xác định theo quy định tại Điều Lệ này và quy định của pháp luật có liên quan, trừ các bên đã được quy định tại Điều 1.1(t)(i) (là Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương mại Thăng Hiên), Điều 1.1(t)(ii) (là Công Ty TNHH Công Vàng Vinh và Công Ty Cổ Phần The Concept House) và Điều 1.1(t)(iii) (là các công ty con hoặc công ty liên kết của Công Ty giao dịch với Công Ty theo các điều khoản song phẳng và trong quá trình kinh doanh thông thường và bình thường).
- (u) “Tổng Tài Sản Của Công Ty” nghĩa là Tổng tài sản của Công Ty được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Để làm rõ, Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét là Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét bởi một trong bốn Công ty kiểm toán: (i) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, (ii) Công ty TNHH KPMG, (iii) Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và (iv) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- (v) “Quá trình kinh doanh thông thường” hoặc “Quá trình kinh doanh thông thường và bình thường” nghĩa là các hoạt động để (i) triển khai hoạt động dịch vụ ăn uống và/hoặc (ii) phù hợp với thông lệ kinh doanh (không bao gồm các giao dịch một lần) của Công ty trong ba (3) năm liền trước hoạt động đó và/hoặc (iii) các hoạt động phục vụ trực tiếp cho ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký của Công ty được ghi nhận trong Điều lệ Công Ty.
2. Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc nhiều quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng chỉ nhằm thuận tiện và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. *Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty*

1. Tên Công Ty:
- Tên Công Ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate
 - Tên Công Ty viết bằng tiếng Anh: Golden Gate Group Joint Stock Company
 - Tên Công Ty viết tắt: Golden Gate Group JSC
2. Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công Ty là:
- Địa chỉ: 60 Đường Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: 84-024-3722 6354
 - Fax: 84-024-3722 6352
 - Email: support_hn@ggg.com.vn
 - Website: www.ggg.com.vn

4. Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52.2 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều Lệ này, Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty bắt đầu từ Ngày Thành Lập và là vô thời hạn.

Điều 3. *Người đại diện theo pháp luật của Công Ty*

Công Ty có một (1) người đại diện theo pháp luật, là Tổng Giám Đốc.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. *Mục tiêu hoạt động của Công Ty*

1. Ngành nghề kinh doanh của Công Ty bao gồm:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã VSIC Cấp Độ 4
1.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu động khác, dịch vụ ăn uống khác; dịch vụ phục vụ đồ uống;	5610 (Chính)
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Sơ chế, chế biến, bảo quản và đóng gói các sản phẩm từ thịt	1010
3.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sơ chế, chế biến, bảo quản và đóng gói các sản phẩm từ thủy sản Ngoại trừ: dịch vụ đóng gói cho các bên khác trên cơ sở thu phí hoặc hợp đồng (CPC 876), dịch vụ đóng hộp thủy sản cho các bên khác trên cơ sở thu phí hoặc hợp đồng (CPC 8841)	1020
4.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sơ chế, chế biến, bảo quản và đóng gói rau quả Ngoại trừ: dịch vụ đóng gói cho các bên khác trên cơ sở thu phí hoặc hợp đồng (CPC 876)	1030
5.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất gia vị, Sản xuất súp và nước xuyết.	1079
6.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

7.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu động khác, dịch vụ ăn uống khác; dịch vụ phục vụ đồ uống	5629
8.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: dịch vụ ăn uống, dịch vụ lưu động khác, dịch vụ ăn uống khác; dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
9.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Dịch vụ kiến trúc, chi tiết: Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
10.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865) (Doanh nghiệp không được cung cấp dịch vụ trọng tài hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân, dịch vụ pháp lý, dịch vụ thuế, kiểm toán và kế toán; không được cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý danh mục đầu tư ngắn hạn; không được cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo; không được thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động - việc làm, hoạt động vận động hành lang).	7020
11.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại mặt hàng trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018.	4719
12.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, đồ tổng hợp khác qua website và ứng dụng điện thoại Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018.	4791
13.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với thành lập cơ sở bán lẻ) các hàng hoá theo quy định của pháp luật (CPC 631) Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước	4799

	ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2018.	
14.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Chi tiết: Sản xuất các thức ăn và món ăn chế biến sẵn từ thịt (nấu, làm sẵn) dạng đông lạnh hoặc đóng gói, sản xuất các món ăn sẵn từ thủy sản (bao gồm thủy sản đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không), sản xuất các thức ăn sẵn khác (phục vụ bữa trưa, bữa tối) và sản xuất món ăn từ rau)	1075
15.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
16.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
17.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
18.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
19.	Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Bán buôn món ăn chế biến sẵn từ thịt; món ăn sẵn từ thủy sản và thức ăn sẵn khác, trà)	4632
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sản phẩm tre, nứa, nội thất, đồ trang trí, thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình)	4649
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn tre, nứa)	4663
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, dụng cụ điện dùng cho hoạt động kinh doanh nhà hàng)	4659
23.	Bán buôn tổng hợp (Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622))	4690
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, thực hiện quyền nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tùy từng thời	8299

	điểm	
25.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại (Phạm vi kinh doanh thực hiện theo quy định của Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản và các quy định khác có liên quan).	6810

- Mục tiêu hoạt động của Công Ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông và phát triển Công Ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. *Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty*

- Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công Ty đã được công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều Lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
- Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. *Vốn điều lệ, cổ phần và cổ đông sáng lập*

- Vốn Điều Lệ của Công Ty là 76.926.900 đồng (bằng chữ: Bảy mươi sáu tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng Việt Nam)
Vốn Điều Lệ của Công Ty sẽ được chia thành 7.692.690 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000VND/cổ phần.
- Công Ty có thể thay đổi Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều Lệ này.
- Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp được nêu tại Phụ Lục 1 đính kèm. Phụ Lục này là một phần của Điều Lệ này.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị của Công Ty quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo phương

thức đấu giá.

7. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công Ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công Ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
3. Người sở hữu cổ phần được cấp cổ phiếu trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công Ty. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật, Điều Lệ này, bất kỳ thỏa thuận giữa các cổ đông và/hoặc bất kỳ tài liệu nào khác ràng buộc cổ đông có liên quan có quy định khác. Cổ phần được niêm yết và đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới được chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội Đồng Quản Trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh Nghiệp. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền, bán hoặc tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán (các khoản tiền có liên quan) và lãi phát sinh theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. *Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát*

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông;
2. Hội Đồng Quản Trị;
3. Ban Kiểm Soát;
4. Tổng Giám Đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. *Quyền của cổ đông*

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty. Một cổ đông có quyền ký kết thỏa thuận giữa các cổ đông với Công Ty và/hoặc bất kỳ cổ đông nào khác quy định các quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - (a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa qua bưu điện, điện thoại hoặc email. Mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một (1) phiếu biểu quyết;
 - (b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của luật áp dụng, Điều Lệ này, bất kỳ thỏa thuận giữa các cổ đông và/hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác ràng buộc cổ đông có liên quan;
 - (d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - (e) Kiểm tra, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác liên quan đến họ;

- (f) Kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ này, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (h) Trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà Nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công Ty theo quy định của pháp luật;
 - (i) Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh Nghiệp hoặc theo quy định của bất kỳ thỏa thuận giữa các cổ đông nào mà cổ đông và Công Ty là các bên tham gia và/hoặc thỏa thuận đó ràng buộc họ; và
 - (j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này, bất kỳ thỏa thuận giữa các cổ đông nào và/hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác ràng buộc cổ đông có liên quan.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- (a) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị thực hiện việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (b) Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoặc hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và
 - (c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và/hoặc trong Điều Lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 của Điều Lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty, bất kỳ thỏa thuận giữa các cổ đông nào và/hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác ràng buộc cổ đông có liên quan đó; tuân thủ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.
2. Một cổ đông phổ thông có nghĩa vụ tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; và

- (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
- 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
- 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - (a) Vi phạm pháp luật;
 - (b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; và
 - (c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công Ty.

Điều 14. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 1. Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 2. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản bảo lưu quan trọng, Công Ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
- 3. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - (a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
 - (b) Báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - (c) Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định tại Điều Lệ này;
 - (d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.3 của Điều Lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - (e) Ban Kiểm Soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm Soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Người Điều Hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội Đồng Quản Trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; hoặc
 - (f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- 4. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

- (a) Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị hoặc Kiểm Soát Viên còn lại như quy định tại Khoản 3(c) của Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3(d) và 3(e) của Điều này;
- (b) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 4(a) của Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát phải thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
- (c) Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 4(b) của Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3(d) có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 của Luật Doanh Nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. *Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông*

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - (a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - (b) Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị;
 - (c) Báo cáo của Ban Kiểm Soát;
 - (d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công Ty.
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - (a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - (b) Thông qua hoặc sửa đổi ngân sách hàng năm mà sẽ dẫn đến tăng trưởng thu nhập mười lăm phần trăm (15%) trở xuống;
 - (c) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - (d) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (e) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập không phải là một Công Ty Kiểm Toán;
 - (f) Thay đổi các thông lệ thuế và kế toán trừ khi thay đổi đó được yêu cầu bởi luật áp dụng;
 - (g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
 - (h) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (i) Các gói thù lao của Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Điều Hành, Phó Giám Đốc Điều Hành, Giám Đốc Tài Chính, Giám Đốc Vận Hành, Kế Toán Trưởng và các Giám Đốc Quản Lý của Công Ty, bao gồm tiền mặt hoặc thưởng cổ phần, lương, và các lợi ích tài chính

khác, nếu các gói thù lao đó được quy định ở mức cao hơn hai mươi phần trăm (20%) so với mức thù lao trung bình cho các vị trí tương tự tại các công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo khảo sát lương chuyên môn gần đó (ngoại trừ việc phát hành cổ phần (i) theo (x) kế hoạch quyền chọn mua cổ phần của người lao động năm 2019 – 2023 được lập theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty ngày 16 tháng 10 năm 2018, như được sửa đổi trong các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các sửa đổi đối với kế hoạch đó được các cổ đông cần thiết thông qua (*ESOP Hiện Hành*) hoặc (y) một kế hoạch quyền chọn mua cổ phần của người lao động mới được Công Ty áp dụng sau Ngày Hiệu Lực và được các cổ đông cần thiết thông qua (*ESOP Mới*) hoặc (ii) từ 61.466 cổ phần phổ thông mà Công Ty nắm giữ như là cổ phiếu quỹ vào ngày 22 tháng 12 năm 2021);

- (j) Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ này hoặc các quyền kèm theo bất kỳ cổ phần nào của Công Ty;
- (k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- (l) Bất kỳ việc phát hành cổ phần, trái phiếu hoặc việc cấp các khoản vay, hoặc bất kỳ chứng khoán nào mà thông qua các điều khoản của việc phát hành cổ phần, trái phiếu hoặc việc cấp các khoản vay, hoặc bất kỳ chứng khoán đó thực hiện các quyền chuyển đổi, hoặc trao đổi hoặc đăng ký mua, cổ phần, bao gồm: (i) bất kỳ chương trình thưởng cổ phần cho nhân viên, mua cổ phần, hoặc chương trình quyền chọn khác (ngoại trừ thưởng cổ phần cho nhân viên, mua cổ phần, hoặc chương trình quyền chọn mua khác được ban hành hợp thức theo các điều khoản của ESOP Hiện Hành hoặc ESOP Mới); và (ii) bất kỳ thỏa thuận hoặc thu xếp về khoản vay, đặc cọc, ứng trước hoặc thỏa thuận hoặc thu xếp khác có tính chất cho vay với hoặc cho bất kỳ cổ đông, giám đốc, viên chức, nhân viên hoặc đại lý của Công Ty Thuộc Tập Đoàn và/hoặc bất kỳ Người Có Liên Quan nào của họ;
- (m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, tách hoặc chuyển đổi Công Ty; hoặc mua hoặc bán các địa điểm kinh doanh (ngoại trừ việc đóng cửa các nhà hàng hoặc địa điểm kinh doanh và việc bán hoặc xử lý mặt bằng, thiết bị, đồ nội thất hoặc việc khác liên quan đến việc đóng cửa nhà hàng hoặc địa điểm kinh doanh đó);
- (n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý hoặc bất kỳ hành động tương tự nào;
- (o) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông;
- (p) Quyết định về bất kỳ việc bán, chuyển nhượng, cho thuê hoặc xử lý khác đối với tài sản hoặc bất động sản, hoặc nhóm tài sản, của Công Ty (ngoại trừ việc bán các sản phẩm được sản xuất bởi Công Ty) mà khi được tổng hợp với các giao dịch trước có tính chất tương tự trong khoảng thời gian 12 tháng bất kỳ sẽ có giá trị thị trường hợp lý hoặc giá trị giao dịch được đề xuất bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) Tổng Tài Sản Của Công Ty;
- (q) Các quyết định về bất kỳ việc đầu tư hoặc tham gia bởi Công Ty (i) ngoài hoạt động kinh doanh thông thường (ii) vào tài sản vốn có giá trị từ 35% Tổng Tài Sản Của Công Ty trở lên cho mỗi lần đầu tư, hoặc (iii) vào quyền sở hữu bất động sản trừ khi quyền sở hữu bất động sản đó phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công Ty. Cho dù có quy định trên, các hoạt động bán lẻ sản phẩm thực phẩm đóng gói do Công Ty thực hiện sẽ không chịu sự điều chỉnh theo đoạn (q) này nếu và trong phạm vi các hoạt động đó (x) được thực hiện tại không quá hai mươi (20) điểm bán hàng vào bất kỳ thời điểm nào và (y) doanh thu từ các hoạt động đó tại bất kỳ điểm bán hàng nào không vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng doanh thu hàng năm của điểm bán hàng đó;
- (r) Việc Công Ty thực hiện một dự án bao gồm hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên doanh

hoặc đầu tư khác trong việc thành lập một doanh nghiệp mới mà theo đó giá trị khoản đầu tư của Công Ty vào dự án đó từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên Tổng Tài Sản Của Công Ty, và các thay đổi về đối tác, nội dung của dự án hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm các thay đổi về phạm vi, mục đích và ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan, nhưng không bao gồm các thay đổi về tên và địa chỉ trụ sở của doanh nghiệp có liên quan;

- (s) Việc ký kết bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết nào, hoặc nhóm các hợp đồng hoặc cam kết liên quan, (bao gồm, không giới hạn, các hợp đồng nhượng quyền thương mại) bởi Công Ty (ngoại trừ bất kỳ hợp đồng mua nguyên liệu thực phẩm và phi thực phẩm nào cho quá trình kinh doanh thông thường và bình thường và bất kỳ hợp đồng nhượng quyền thương mại nào theo đó Công Ty là một bên nhượng quyền) có giá trị hoặc kinh phí liên quan bởi Công Ty bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) Tổng Tài Sản Của Công Ty;
- (t) Bất kỳ thay đổi nào đối với nợ của Công Ty làm phát sinh tỷ lệ tổng nợ trên vốn lớn hơn hai lần (2x) dựa trên năm tài chính gần nhất;
- (u) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- (v) Việc Công Ty mua quyền sở hữu, cổ phần hoặc chứng khoán khác, cổ phiếu hoặc giấy nợ của bất kỳ công ty hoặc hoạt động kinh doanh nào khác (ngoại trừ các Công Ty Thuộc Tập Đoàn được kiểm soát bởi Công Ty) có giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) Tổng Tài Sản Của Công Ty;
- (w) Không áp dụng.
- (x) Công Ty ký kết hợp đồng hoặc giao dịch (i) với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp hoặc là một Giao Dịch Với Bên Liên Quan Cụ Thể có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) Tổng Tài Sản Của Công Ty, hoặc (ii) được quy định tại Khoản 4 Điều 293 của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn Luật Chứng Khoán (như được sửa đổi vào từng thời điểm) (Nghị định 155) (trừ trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức là người có liên quan của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác của Công Ty và Công Ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con);
- (y) bất kỳ hành động hoặc sự bỏ qua nào có thể làm phát sinh Thay Đổi Quyền Kiểm Soát;
- (z) Bất kỳ giao dịch mua, bán, đầu tư, cấp bất kỳ khoản vay nào; thực hiện bất kỳ việc vay nào, cấp (hoặc cho phép tạo ra) bất kỳ biện pháp bảo đảm nào trên tài sản hoặc hoạt động kinh doanh của Công Ty, hoặc cấp bất kỳ bảo lãnh nào ngoài hoạt động kinh doanh thông thường có giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) Tổng Tài Sản Của Công Ty hoặc bằng cách khác trên cơ sở giao dịch sòng phẳng; và
- (aa) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- (a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc Người Có Liên Quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- (b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người Có Liên Quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 16. *Đại diện theo ủy quyền*

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một (1) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - (a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - (b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được ủy quyền, hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - (c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. *Thay đổi các quyền*

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất bảy mươi lăm (75) phần trăm cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất bảy mươi lăm (75) phần trăm tổng số loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (2) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ

phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20 và Điều 22 của Điều Lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. *Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông*

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, hoặc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14.4(b) hoặc Điều 14.4(c) của Điều Lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - (a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - (c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - (d) Dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - (e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - (f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - (g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư), trừ khi thời hạn được từ bỏ hoặc giảm xuống bởi tất cả các cổ đông. Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - (a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;
 - (c) Phiếu biểu quyết;

- (d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - (e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 12.3 của Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công Ty ít nhất một (1) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - (b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 12.3 của Điều Lệ này;
 - (c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; hoặc
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

Điều 19. *Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông*

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất.

Điều 20. *Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông*

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc

giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, trường Ban Kiểm Soát điều khiển để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh Nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- (a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; và
- (c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người Triệu Tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - (a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa Điểm Chính Của Đại Hội”);
 - (b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại



hội có thể đồng thời tham dự đại hội; và

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này.

11. Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa Điểm Chính Của Đại Hội.
12. Mỗi năm Công Ty tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất một lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. *Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông*

1. Trừ khi được quy định tại các đoạn 2 và 3 dưới đây, bất kỳ quyết định nào của Đại Hội Đồng Cổ Đông (bao gồm cả các quyết định được loại trừ tại đoạn 2 nhưng vẫn thuộc phạm vi quyền hạn của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc pháp luật) sẽ được thông qua khi có từ sáu mươi phần trăm (60%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau sẽ được thông qua khi có từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:
 - (a) các vấn đề được quy định tại các đoạn (b), (c), (f), từ (i) đến hết (n), từ (p) đến hết (t), (v), (y) và (z) của Điều 15.2;
 - (b) vấn đề được quy định tại đoạn (c) của Điều 15.2 nếu liên quan đến việc công bố cổ tức hoặc trả cổ tức hoặc phân chia vốn vượt quá ba mươi phần trăm (30%) lợi nhuận ròng sau thuế của Công Ty theo báo cáo tài chính được kiểm toán của Công Ty cho năm tài chính ngay trước khi công bố, thanh toán, hoặc phân chia cổ tức;
 - (c) vấn đề được quy định tại đoạn (x) của Điều 15.2 liên quan đến một Giao Dịch Với Bên Liên Quan Cụ Thể (ngoại trừ GDVBLQ Được Loại Trừ).
3. Việc bầu thành viên vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo Khoản 3 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.
4. Các nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. *Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông*

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
2. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến, trừ khi thời hạn được từ bỏ hoặc giảm xuống bởi tất cả các cổ đông. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo

được thực hiện theo quy định tại Điều 18.3 của Điều Lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - (b) Mục đích lấy ý kiến;
 - (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - (f) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Trừ khi được quyết định khác bởi Hội Đồng Quản Trị, phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công Ty theo các hình thức sau:
 - (a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; hoặc
 - (b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- (e) Các vấn đề đã được thông qua; và
- (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, người đại diện theo pháp luật của Công Ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về các vấn đề được quy định tại Điều 21.1 phải được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi phần trăm (60%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 10. Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề được quy định tại Điều 21.2 sẽ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi có từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết và sẽ có cùng hiệu lực như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 23. *Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông*

- 1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh, và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Thời gian và địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - (d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - (f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - (h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - (i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 24. *Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông*

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.3 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 21.3 của Điều Lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. *Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị*

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội Đồng Quản Trị được đưa vào tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (b) Trình độ học vấn;
 - (c) Trình độ chuyên môn;
 - (d) Quá trình công tác;
 - (e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội Đồng Quản Trị và các

chức danh quản lý khác;

- (f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công Ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty;
 - (g) Các lợi ích có liên quan tới Công Ty (nếu có);
 - (h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); và
 - (i) Các thông tin khác.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (5) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. *Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị*

1. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị do Đại hội đồng cổ đông ấn định tùy từng thời điểm, nhưng luôn là số lẻ và bao gồm ít nhất là năm (5) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Tổng số thành viên không phải Người Điều Hành của Hội Đồng Quản Trị phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau:
- (a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (b) Có đơn từ chức;
 - (c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - (d) Không tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền trong vòng sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (e) Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của luật áp dụng.

4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không phải là cổ đông của Công Ty.
5. Quan sát viên của Hội Đồng Quản Trị
 - (a) Hội Đồng Quản Trị có thể cho phép các quan sát viên không có quyền biểu quyết (*Quan Sát Viên*) được tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của các ban hoặc tiểu ban do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thành lập. Quan Sát Viên sẽ được phát biểu, nhưng sẽ không có quyền biểu quyết tại các cuộc họp đó.
 - (b) Quan Sát Viên sẽ có cùng các quyền được cung cấp thông tin, và yêu cầu thông tin, như thể Quan Sát Viên đó là một thành viên của Hội Đồng Quản Trị, hoặc một thành viên của ban hoặc tiểu ban do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thành lập.

Điều 27. *Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị*

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do luật pháp, Điều Lệ này và Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, ngoại trừ các vấn đề được quy định bởi Điều Lệ này là thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
 - (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - (c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành cao cấp của Công Ty và quyết định Khoản thù lao của họ;
 - (d) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác;
 - (e) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - (f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - (g) Quyết định về bất kỳ việc bán, chuyển nhượng, cho thuê hoặc xử lý khác đối với tài sản hoặc bất động sản, hoặc nhóm tài sản, của Công Ty (ngoại trừ việc bán các sản phẩm được sản xuất bởi Công Ty) mà khi được tổng hợp với các giao dịch trước có tính chất tương tự trong bất kỳ khoảng thời gian 12 tháng nào sẽ có giá trị thị trường hợp lý hoặc giá trị giao dịch được đề xuất vượt quá năm phần trăm (5%) Tổng Tài Sản Của Công Ty;
 - (h) Quyết định việc Công Ty ký kết bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết nào, hoặc nhóm các hợp đồng hoặc cam kết liên quan, (bao gồm, không giới hạn, các hợp đồng nhượng quyền thương mại) (ngoại trừ bất kỳ hợp đồng mua nguyên liệu thực phẩm và phi thực phẩm nào cho quá trình kinh doanh bình thường và thông thường và bất kỳ hợp đồng nhượng quyền thương mại nào theo đó Công Ty là một bên nhượng quyền) có giá trị hoặc trong đó Công Ty chi trả:
 - (i) nếu xảy ra trong năm tài chính 2022, vượt quá 2 triệu USD (hoặc số tiền tương đương bằng loại tiền tệ khác); hoặc

- (ii) ngoài năm tài chính 2022, vượt quá năm phần trăm (5%) Tổng Tài Sản Của Công Ty;
- (i) Quyết định bất kỳ giao dịch mua, bán, đầu tư, cấp bất kỳ khoản vay nào, thực hiện bất kỳ việc vay nào, cấp (hoặc cho phép tạo ra) bất kỳ biện pháp bảo đảm nào trên tài sản hoặc hoạt động kinh doanh của Công Ty, hoặc cấp bất kỳ bảo lãnh nào ngoài hoạt động kinh doanh thông thường có giá trị giao dịch thấp hơn 35 phần trăm Tổng Tài Sản Của Công Ty hoặc bằng cách khác trên cơ sở giao dịch sòng phẳng;
- (j) Quyết định việc Công Ty mua quyền sở hữu, cổ phần hoặc chứng khoán khác, cổ phiếu hoặc giấy nợ của bất kỳ công ty hay hoạt động kinh doanh nào khác (ngoại trừ các công ty được kiểm soát bởi Công Ty) có giá trị giao dịch thấp hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) Tổng Tài Sản Của Công Ty;
- (k) Công Ty ký kết hợp đồng hoặc giao dịch (i) với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp hoặc là một Giao Dịch Với Bên Liên Quan Cụ Thể có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) Tổng Tài Sản Của Công Ty, hoặc (ii) được quy định tại Khoản 5 Điều 293 của Nghị Định 155 hoặc (iii) giao dịch Công Ty cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức là người có liên quan của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác của Công Ty mà Công Ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con;
- (l) Việc Công Ty thực hiện một dự án bao gồm hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên doanh hoặc đầu tư khác trong việc thành lập một doanh nghiệp mới mà theo đó giá trị khoản đầu tư của Công Ty vào dự án nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) Tổng Tài Sản Của Công Ty, và các thay đổi về đối tác, nội dung của dự án hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm các thay đổi về phạm vi, mục đích và ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan, nhưng không bao gồm các thay đổi về tên và địa chỉ trụ sở của doanh nghiệp có liên quan;
- (m) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty;
- (n) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
- (o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định;
- (p) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và, phụ thuộc vào phê duyệt của ĐHCĐ về mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- (q) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- (r) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- (s) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền;
- (t) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (u) Báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng Giám Đốc;
- (v) Kế hoạch đầu tư của Công Ty;

- (w) Đóng cửa bất kỳ hoạt động kinh doanh nào bao gồm (i) việc chuyển nhượng thương hiệu, nhãn hiệu hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh liên quan đến bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào; (ii) đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện; (iii) đóng cửa dự án đầu tư, nhà máy, công ty con; hoặc xử lý hoặc pha loãng lợi ích của mình trong bất kỳ công ty con nào của Công Ty trong thời gian liên quan, ngoại trừ việc đóng cửa bất kỳ địa điểm hoạt động kinh doanh hoặc nhà hàng nào và việc bán hoặc xử lý mặt bằng, thiết bị, đồ nội thất hoặc việc khác liên quan đến việc đóng cửa địa điểm hoặc nhà hàng đó;
 - (x) Các quyết định về bất kỳ việc đầu tư hoặc tham gia bởi Công Ty vào tài sản vốn có giá trị nhỏ hơn 35% Tổng Tài Sản Của Công Ty cho mỗi lần đầu tư;
 - (y) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Phụ thuộc vào Điều 15.2, Hội Đồng Quản Trị có thẩm quyền sau đây:
- (a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công Ty;
 - (b) Thành lập các công ty con của Công Ty;
 - (c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp phải do Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Hội Đồng Quản Trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công Ty;
 - (d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công Ty;
 - (e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công Ty;
 - (f) Các khoản đầu tư vượt quá hai mươi (20) phần trăm kế hoạch đầu tư hàng năm được phê duyệt;
 - (g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - (h) Việc định giá tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - (i) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười (10) phần trăm tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng trước đó;
 - (j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty; và
 - (k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Tổng Giám Đốc và những Người Điều Hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo lên Đại Hội Đồng Cổ Đông, báo cáo tài chính năm của Công Ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều Lệ này quy định khác, Hội Đồng Quản Trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.
6. Mỗi thành viên của Hội Đồng Quản Trị sẽ được chỉ định bất kỳ người nào bằng cách gửi thông báo cho Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản sẽ là người được ủy quyền của thành viên đó.

Điều 28. *Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị*

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Tổng mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thỏa thuận trong Hội Đồng Quản Trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội Đồng Quản Trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, công ty con, công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà thành viên Hội Đồng Quản Trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công Ty. Thù lao của thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty.
3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, hoặc lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 29. *Chức Tịch Hội Đồng Quản Trị*

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
4. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. *Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị*

1. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có hai (2) thành viên trở lên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập cuộc họp.
2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu

không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- (a) Ban Kiểm Soát;
 - (b) Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất năm Người Điều Hành khác;
 - (c) Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;
 - (d) Ít nhất hai (2) thành viên Hội Đồng Quản Trị; và
 - (e) Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 trên đây. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 của Điều này có quyền triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
6. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công Ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và được sự nhất trí của Hội Đồng Quản Trị.
7. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp; thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản tiếng Anh và tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị và các Kiểm Soát Viên được đăng ký tại Công Ty.
8. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).
- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.
9. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- (a) Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - (b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội

Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội Đồng Quản Trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất một (1) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
11. Biểu quyết
 - (a) Trừ quy định tại Khoản 11(b) của Điều này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 của Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết;
 - (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - (c) Theo quy định tại Khoản 11(d) của Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - (d) Thành viên Hội Đồng Quản Trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 40.5(a) và 40.5(b) của Điều Lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - (e) Kiểm Soát Viên có quyền dự cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. Ngoại trừ các vấn đề được quy định tại đoạn 14 dưới đây, Hội Đồng Quản Trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở hai phần ba số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp và không có lợi ích trong nghị quyết liên quan tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ được coi là có một phiếu bổ sung (với điều kiện là ngưỡng phê duyệt quy định vẫn là hai phần ba số phiếu).
14. Các quyết định của Hội Đồng Quản trị về các vấn đề sau sẽ được thông qua khi được nhất trí:

- (a) các vấn đề được quy định cụ thể tại các đoạn từ (g) đến hết (j), (l), (x) và (w) của Điều 27.2;
 - (b) vấn đề được quy định cụ thể tại đoạn (c) của Điều 27.2 nếu liên quan đến việc thay thế Giám Đốc Điều Hành, Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng (hoặc các chức vụ tương đương) của Công Ty;
 - (c) vấn đề được quy định cụ thể tại đoạn (k) của Điều 27.2 liên quan đến một Giao Dịch Với Bên Liên Quan Cụ Thể (ngoại trừ GDVBLQ Được Loại Trừ); và
 - (d) vấn đề được quy định cụ thể tại đoạn (p) của Điều 27.2 nếu liên quan đến việc công bố cổ tức hoặc trả cổ tức hoặc phân chia vốn vượt quá ba mươi phần trăm (30%) lợi nhuận ròng sau thuế của Công Ty theo báo cáo tài chính được kiểm toán của Công Ty cho năm tài chính ngay trước khi công bố, thanh toán, hoặc phân chia, cổ tức.
15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội Đồng Quản Trị (hoặc người được ủy quyền của họ, tùy từng trường hợp) sẽ có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua bởi số lượng cần thiết các thành viên của Hội Đồng Quản Trị nắm giữ số lượng cần thiết các quyền biểu quyết tại cuộc họp.
16. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội Đồng Quản Trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. *Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị*

- 1. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ.
- 2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (3) người bao gồm thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành phải chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 3. Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ công ty.

Điều 32. *Người phụ trách quản trị công ty*

- 1. Hội Đồng Quản Trị chỉ định ít nhất một (1) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội Đồng Quản Trị quyết định, tối đa là năm (5) năm.
- 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - (a) Có hiểu biết về pháp luật;
 - (b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty;
 - (c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này và quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

3. Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (a) Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;
 - (b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;
 - (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (d) Tham dự các cuộc họp;
 - (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên;
 - (g) Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - (h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ này;
 - (i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty. Công Ty có Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội Đồng Quản Trị.

Điều 34. Người Điều Hành

1. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được tuyển dụng Người Điều Hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công Ty do Hội Đồng Quản Trị quy định. Người Điều Hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định, và hợp đồng với những Người Điều Hành khác do Hội Đồng Quản Trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám Đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc

1. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một (1) thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc một người khác làm Tổng Giám Đốc và ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công Ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá năm (5) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ

nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

3. Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- (b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- (c) Kiến nghị với Hội Đồng Quản Trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
- (e) Kiến nghị số lượng và Người Điều Hành mà Công Ty cần tuyển dụng để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội Đồng Quản Trị quyết định;
- (f) Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- (g) Vào hoặc trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm;
- (h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội Đồng Quản Trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty;
- (i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, hợp đồng lao động ký với Công Ty.

4. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội Đồng Quản Trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám Đốc và bổ nhiệm Tổng Giám Đốc mới thay thế khi có được tỉ lệ phần trăm số phiếu thông qua theo quy định cụ thể tại Điều 30.14.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. *Ứng cử, đề cử Kiểm Soát Viên*

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm Soát Viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 của Điều Lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng

cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm Soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm Soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm Soát Viên

1. Số lượng Kiểm Soát Viên của Công Ty là ba (3) người. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm Soát Viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này và không thuộc các trường hợp sau:
 - (a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - (b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong ba (3) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm Soát Viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc toàn thời gian tại Công Ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - (a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát;
 - (b) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;
 - (c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.
4. Kiểm Soát Viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm Soát Viên theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp;
 - (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
5. Kiểm Soát Viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ công ty;
 - (c) Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

Điều 38. Ban Kiểm Soát

1. Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh Nghiệp và các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Đề xuất và kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty;
 - (b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - (c) Giám sát tình hình tài chính Công Ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và cổ đông;
 - (d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ công ty của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc hoặc Người Điều Hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội Đồng Quản Trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - (e) Báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
 - (f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu về hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông và của Hội Đồng Quản Trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được cung cấp cho các Kiểm Soát Viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội Đồng Quản Trị.
 3. Ban Kiểm Soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban Kiểm Soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm Soát. Ban Kiểm Soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba số Kiểm Soát Viên trở lên dự họp.
 4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Kiểm Soát Viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm Soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm Soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. *Trách nhiệm cần trọng*

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công Ty.

Điều 40. *Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi*

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng Quản Trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty và lợi ích mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch

hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông đồng ý khác đi, Công Ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành khác hoặc người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc cho pháp nhân mà những người nêu trên có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, công ty mẹ - công ty con, hoặc tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác và người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty, và không được tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. *Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường*

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành, nhân viên hoặc là người đại diện theo ủy quyền của Công Ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành khác, nhân viên hoặc người đại diện theo ủy quyền của Công Ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích tốt nhất của Công Ty hoặc không mâu thuẫn với lợi ích tốt nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng cho thấy người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc hoặc Người Điều Hành khác, nhân viên hoặc người đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - (a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích của Công Ty và không mâu thuẫn với lợi ích tốt nhất của Công Ty;
 - (b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng cho thấy họ đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí pháp lý), số tiền phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trên thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công Ty sẽ mua bảo hiểm cho những người này để chi trả cho việc bồi thường đó.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. *Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ*

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Điều 12.2 Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công Ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông lập phải kèm theo giấy ủy

quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công Ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công Ty phải lưu trữ Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều Lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch đề Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người Điều Hành.
2. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch đề Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.
2. Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phần.
3. Hội Đồng Quản Trị có thể kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phần và Hội Đồng Quản Trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phần được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần niêm yết hoặc đã được đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ pháp luật hiện hành, Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đã đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. *Tài khoản ngân hàng*

1. Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 46. *Năm tài chính*

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một của năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày của tháng ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đó.

Điều 47. *Chế độ kế toán*

1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành và được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan khác. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
4. Không trái với các quy định nêu trên, Công Ty có thể sử dụng đồng thời một chế độ kế toán quốc tế song song với việc sử dụng Chế độ Kế toán Việt Nam trong trường hợp cần thiết do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. *Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý*

1. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều Lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công Ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp Công Ty đã niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công Ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty tính đến thời điểm lập báo cáo đó, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết hoặc công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Sở giao dịch Chứng khoán và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (đối với công ty

niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của công ty kiểm toán), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công Ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. *Báo cáo thường niên*

Công Ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. *Kiểm toán*

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập là Công Ty Kiểm Toán hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập thuộc Công Ty Kiểm Toán và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội Đồng Quản Trị. Công Ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. *Con dấu*

1. Hội Đồng Quản Trị quyết định thông qua số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
2. Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. *Chấm dứt hoạt động*

1. Công Ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - (a) Kết thúc Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - (b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (c) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo và chấp thuận (nếu việc chấp thuận là bắt buộc) bởi cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 53. *Gia hạn hoạt động*

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công Ty theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị.
2. Thời Hạn Hoạt Động được gia hạn khi có từ sáu mươi lăm (65) phần trăm trở lên trên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

Điều 54. *Thanh lý*

1. Tối thiểu sáu (6) tháng trước khi kết thúc Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập ban thanh lý gồm ba (3) thành viên, trong đó hai (2) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một (1) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công Ty hoặc có thể là các chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
- (a) Các chi phí thanh lý;
 - (b) Các khoản nợ lương, trợ cấp nghỉ hưu hay thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - (c) Nợ thuế;
 - (d) Các khoản nợ khác của Công Ty;
 - (e) Số tiền còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. *Giải quyết tranh chấp nội bộ*

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công Ty hoặc quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều Lệ này, hoặc các quy định giữa:
- (a) Cổ đông với Công Ty;
 - (b) Cổ đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hay Người Điều Hành khác;

các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp đó liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra trọng tài kinh tế hoặc tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của tòa án được thực hiện theo phán quyết của tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. *Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ*

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

XXI. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 57. *Điều khoản chung*

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 Điều được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Golden Gate nhất trí thông qua ngày 30/06/2023 và Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.
2. Điều Lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - (a) một (1) bản nộp tại Phòng Công Chứng Nhà nước của địa phương theo quy định của pháp luật;
 - (b) năm (5) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của pháp luật; và
 - (c) Các bản còn lại lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
3. Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty. 

Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.



PHỤ LỤC 1 – CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Họ và tên	Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu	Số lượng cổ phần hiện tại (vào Ngày Hiệu Lực)
1.	Trần Việt Trung	Căn cước công dân số 279063000003 cấp ngày 20 tháng 1 năm 2020 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội	176.020
2.	Nguyễn Xuân Tường	Căn cước công dân số 001072008378 cấp ngày 20 tháng 5 năm 2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về Dân cư	235.439
3.	Đào Thế Vinh	Căn cước công dân số 011072004045, cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015 tại Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về Dân cư	402.184
4.	Nguyễn Việt Hồng	Chứng minh nhân dân số 11108796	0
5.	Mai Đình Thương	Chứng minh nhân dân số 011774594	0

GOLDEN GATE